

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Ngày 30 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: DƯƠNG THỊ THẮNG Ngày tháng năm sinh: 23/01/1983
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Dương Nội.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Hoàng Hanh - Phường Dương Nội - Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội.
- Số căn cước công dân ⁽³⁾: 001183040612. Ngày cấp 24/04/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN BÁ HẢI Ngày tháng năm sinh: 29/12/1981
- Nghề nghiệp: Kế toán
- Nơi làm việc ⁽⁴⁾: Công ty cổ phần Khoáng sản VNS Việt Nam
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Hoàng Hanh - Dương Nội - Hà Đông - Hà Nội.
- Số căn cước công dân ⁽³⁾: 001081019319, ngày cấp 29/4/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

* Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: NGUYỄN BÁ MINH PHÚ. Ngày, tháng, năm sinh: 17/08/2013
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Hoàng Hanh - Dương Nội - Hà Đông - Hà Nội.
- Số căn cước công dân: 001213015995
- Nghề nghiệp: Học sinh Trường THCS Dương Nội

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ dân phố Hoàng Hanh – Phường Dương Nội - Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội
- Diện tích⁽⁹⁾: 100 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định giá trị
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Chưa được cấp.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không có

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không có

1.2.1. Thừa thứ nhất: Không có

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Tổ dân phố Hoàng Hanh - Dương Nội - Hà Đông - Hà Nội.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Kiên cố.

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 68m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định giá trị

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa được cấp

- Thông tin khác (nếu có): Không có

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không có

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không có.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không có

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không có

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu: Không có

6.2. Trái phiếu: Không có

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không có

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không có

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

Không có

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 360.000.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 220.000.000đ.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 140.000.000đ.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có

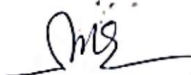
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾: Tăng

Loại tài sản	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất: 1.1. Đất ở: 1.2. Các loại đất khác:	Không	Không	
. Nhà ở, công trình xây dựng: 2.1. Nhà ở: 2.2. Công trình xây dựng khác:	Không	Không	
3. Tài sản gắn liền với đất: 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	Không	Không	
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các loại đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không	Không	
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên	Không	+ 360 triệu đồng	
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá	Không	Không	

trị từ 50 triệu đồng trở lên: 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác)	Không	Không	
8. Tài sản ở nước ngoài	Không	Không	
9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam: 360.000.000 đồng		+ 378 triệu đồng	+ Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp khác của người kê khai + Thu nhập từ lương của chồng

Ngày 21 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Kí, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


 Nguyễn Thị Mai

Ngày 30 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Kí, ghi rõ họ tên)


 Dương Thị Oanh